

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH QUÁN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **63/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 31-8-2020

V/v: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Hạnh
Ông Hoàng Xuân Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán: Không tham gia.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Đức M, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp 1, xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(*Đương sự vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Bùi Đức M trình bày:

Sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, tôi và bà H tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01, ngày 01/9/2005.

Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, quan điểm sống hai bên bất đồng, cả hai không tìm được tiếng nói chung dẫn đến không hòa hợp trong đời sống hôn nhân khiến cho cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Chúng tôi đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay.

Hiện nay tôi không còn tình cảm gì với bà H, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà H.

Về con chung: Tôi và bà H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Về quan hệ hôn nhân giữa tôi và ông M theo ông M trình bày là đúng sự thật. Nay ông M xin ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn với ông M.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Bùi Đức M và bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà H.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức M và bà Nguyễn Thị Thu H tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã S, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 01, ngày 01/9/2005. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa ông Bùi Đức M và bà Nguyễn Thị Thu H là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn ông M trình bày: Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, quan điểm sống hai bên bất đồng, cả hai không tìm được tiếng nói chung dẫn đến không hòa hợp trong đời sống hôn nhân khiến cho cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Hai người đã sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H thừa nhận tình trạng hôn nhân giữa hai người theo như ông M trình bày, bà đồng ý ly hôn với ông M.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, đã sống ly thân, không muốn hàn gắn đoàn tụ cũng như cả hai đều có nguyện vọng ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Đức M về việc xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

[3.2] Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Bùi Đức M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Bùi Đức M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đức M được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi Đức M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông M đã nộp, theo Biên lai thu số 0005188 ngày 18/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí ông M phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã S;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Xuân Mẫn

Dương Văn Hạnh

Phạm Ngọc Quyền

